

Chương trình học tiếng Đức

Trình độ A1.2 — Dành cho người lớn

Giáo trình: Menschen A1.2 (NXB Hueber)

Thông tin khóa học

Trình độ	A1.2 (nửa sau của trình độ A1)
Giáo trình	Menschen A1.2 (NXB Hueber)
Đối tượng	Người lớn
Nội dung	12 bài học (Lektion 13–24) chia thành 4 phần, kèm phần ôn tập sau mỗi phần
Số giờ học	40–60 giờ học cùng giáo viên
Hình thức	Học trực tuyến qua Zoom, hoặc học trực tiếp tại Đà Nẵng
Yêu cầu đầu vào	Đã hoàn thành A1.1 (Menschen A1.1, Bài 1–12)
Kiểm tra	Cuối mỗi bài học có bài kiểm tra trong sách, học viên làm ở nhà và được chữa cùng giáo viên trên lớp

Phương pháp giảng dạy

- Mọi buổi học đều do giáo viên bản ngữ tiếng Đức trực tiếp giảng dạy.
- Trọng tâm chính là kỹ năng nói. Học viên được nói trong mọi buổi học, ngay từ buổi đầu tiên.
- Ngữ pháp và từ vựng được dạy để phục vụ cho việc nói, chứ không thay thế việc nói.
- Học viên cũng được tìm hiểu về văn hóa và cuộc sống thường ngày ở Thụy Sĩ và Đức.

Cách đọc chương trình này

- Số giờ trong bảng là thời gian học cùng giáo viên. Bài tập về nhà, học từ vựng và ôn tập là phần thêm, thường chiếm thêm khoảng 30–50% thời gian.
- Số giờ được ghi theo khoảng vì tiến độ phụ thuộc vào kinh nghiệm ngoại ngữ trước đó, thời gian bạn dành cho bài tập về nhà và mức độ đi học đều đặn.
- Học viên đã từng học một ngoại ngữ khác thường tiếp thu các bài đầu khá nhanh, và chậm lại khi bắt đầu học các cách (Kasus) và thì quá khứ.

Học A1.2 mất bao lâu?

Vì mỗi học viên học số giờ khác nhau mỗi tuần, dưới đây là thời gian hoàn thành khóa học tương ứng:

Số giờ học mỗi tuần	Thời gian hoàn thành A1.2
2 giờ	khoảng 5–7 tháng
3 giờ	khoảng 3–5 tháng
4 giờ	khoảng 2,5–3,5 tháng
6 giờ	khoảng 1,5–2,5 tháng

Sự đều đặn quan trọng hơn tốc độ

Học ngoại ngữ là một quá trình dài, không phải một khóa học ngắn hạn. Điều quan trọng nhất không phải là học viên đăng ký bao nhiêu giờ, mà là mức độ đều đặn khi đến lớp và luyện tập. Một học viên học 2 giờ mỗi tuần nhưng không bỏ buổi nào sẽ tiến bộ nhanh hơn học viên học 6 giờ mỗi tuần rồi nghỉ cả tháng. Thời gian nêu trên được tính với điều kiện học viên đi học đều đặn và hoàn thành bài tập giữa các buổi học.

Kiểm tra và ôn tập

- Cuối mỗi bài học trong sách Menschen đều có bài kiểm tra. Học viên làm ở nhà, sau đó giáo viên chữa cùng cả lớp trong buổi học tiếp theo.
- Sau mỗi phần — tức sau mỗi ba bài học — có một mục ôn tập lại ngữ pháp và từ vựng của cả phần đó.
- Ở trình độ này không có kỳ thi riêng trên lớp. Tiến độ của học viên được theo dõi qua các bài kiểm tra cuối bài, các phần ôn tập và nhận xét trực tiếp của giáo viên trong buổi học.

Nội dung từng bài học

Phần 5 — Bài 13–15

Bài học	Từ vựng	Ngữ pháp	Sau bài học, học viên có thể...
Bài 13: Wir suchen das Hotel Maritim. <i>Chúng tôi đang tìm khách sạn Maritim.</i> Chủ đề: Hỏi và chỉ đường trong thành phố 3–4 giờ <i>Bài kiểm tra cuối bài, làm ở nhà</i>	Các cơ quan và địa điểm công cộng trong thành phố	Giới từ chỉ nơi chốn đi với cách 3 (Dativ): Wo? – Vor dem Restaurant.	- nhờ người lạ giúp đỡ - hỏi đường và chỉ đường - hiểu lời chỉ đường khi nghe - nói một địa điểm nằm ở đâu
Bài 14: Wie findest du Ottos Haus? <i>Bạn thấy ngôi nhà của Otto thế nào?</i> Chủ đề: Nhà ở và căn hộ 3–4 giờ <i>Bài kiểm tra cuối bài, làm ở nhà</i>	Căn hộ và nhà ở	- Mạo từ sở hữu sein và ihr ở cách 1 và cách 4 - Sở hữu cách với tên riêng: Ottos Haus	- miêu tả một ngôi nhà và nhận xét về nó - đọc hiểu tin rao bán, cho thuê nhà - viết email về một căn hộ hoặc ngôi nhà
Bài 15: In Giesing wohnt das Leben! <i>Giesing thật sôi động!</i> Chủ đề: Khu phố nơi bạn sống 3–4 giờ <i>Bài kiểm tra cuối bài, làm ở nhà</i>	Các tiện ích và địa điểm trong khu phố	- Động từ đi với cách 3 (Dativ) - Đại từ nhân xưng ở cách 3: Das gefällt mir.	- nhận xét về một địa điểm - hỏi và trả lời về các tiện ích có ở nơi đó - đọc hiểu một bài blog về khu phố
Ôn tập cuối phần 1–3 giờ	Phần ôn tập: hệ thống lại ngữ pháp và từ vựng của Bài 13–15.		

Phần 6 — Bài 16–18

Bài học	Từ vựng	Ngữ pháp	Sau bài học, học viên có thể...
Bài 16: Wir haben hier ein Problem. <i>Chúng tôi gặp một vấn đề ở đây.</i> Chủ đề: Lịch hẹn; khi ở khách sạn 3–4 giờ <i>Bài kiểm tra cuối bài, làm ở nhà</i>	Từ vựng trong khách sạn	Giới từ chỉ thời gian vor, nach, in và für	- đề nghị giúp đỡ và nhờ giúp đỡ - báo rằng một thứ gì đó bị hỏng - đáp lại khi người khác xin lỗi - hẹn, dời hoặc hủy lịch hẹn qua email

Bài học	Từ vựng	Ngữ pháp	Sau bài học, học viên có thể...
Bài 17: Wer will Popstar werden? <i>Ai muốn trở thành ngôi sao nhạc pop?</i> Chủ đề: Kế hoạch và mong muốn 3–4 giờ <i>Bài kiểm tra cuối bài, làm ở nhà</i>	Kế hoạch và mong muốn	- Giới từ mit và ohne - Động từ khuyết thiếu wollen	- nói mình muốn gì - nói về kế hoạch trong tương lai - đọc hiểu một bài báo - viết một đoạn văn sáng tạo ngắn
Bài 18: Geben Sie ihm doch diesen Tee! <i>Hãy cho anh ấy uống loại trà này đi!</i> Chủ đề: Sức khỏe và bệnh tật 3–4 giờ <i>Bài kiểm tra cuối bài, làm ở nhà</i>	Các bộ phận cơ thể	- Thể mệnh lệnh với Sie: Gehen Sie zum Arzt! - Động từ khuyết thiếu sollen	- nói mình bị đau ở đâu - đưa ra lời khuyên cho người khác - nói về bệnh tật và cách chữa - đọc hiểu chuyên mục tư vấn sức khỏe
Ôn tập cuối phần 1–3 giờ	Phần ôn tập: hệ thống lại ngữ pháp và từ vựng của Bài 16–18.		

Phần 7 — Bài 19–21

Bài học	Từ vựng	Ngữ pháp	Sau bài học, học viên có thể...
Bài 19: Der hatte doch keinen Bauch! <i>Trước đây anh ta đâu có bụng!</i> Chủ đề: Ngoại hình và tính cách 3–4 giờ <i>Bài kiểm tra cuối bài, làm ở nhà</i>	- Ngoại hình - Tính cách	- Thì quá khứ đơn (Präteritum) war và hatte - Thì Perfekt của Động từ không tách: gefallen, bekommen - Cấu tạo từ với tiền tố un-	- miêu tả ngoại hình và tính cách của một người - phản ứng khi ngạc nhiên - theo dõi và tham gia một cuộc trò chuyện xã giao
Bài 20: Komm sofort runter! <i>Xuống đây ngay!</i> Chủ đề: Việc nhà 3–4 giờ <i>Bài kiểm tra cuối bài, làm ở nhà</i>	Các công việc trong nhà	- Thể mệnh lệnh với du và ihr: Mach dein Bett! - Đại từ nhân xưng ở cách 4: mich, dich, ihn	- nhờ ai đó làm việc gì một cách lịch sự - yêu cầu ai đó làm việc gì - đọc hiểu một trang nhật ký - viết email
Bài 21: Bei Rot musst du stehen, bei Grün darfst du gehen. <i>Đèn đỏ phải dừng, đèn xanh được đi.</i> Chủ đề: Quy định 3–4 giờ <i>Bài kiểm tra cuối bài, làm ở nhà</i>	Quy định về giao thông và môi trường	Động từ khuyết thiếu dürfen và müssen	- nêu ý kiến của mình - nói điều gì được phép và không được phép - nói về các quy định - đọc hiểu một chuyên mục trên báo
Ôn tập cuối phần 1–3 giờ	Phần ôn tập: hệ thống lại ngữ pháp và từ vựng của Bài 19–21.		

Phần 8 — Bài 22–24

Bài học	Từ vựng	Ngữ pháp	Sau bài học, học viên có thể...
Bài 22: Am besten sind seine Schuhe! <i>Đẹp nhất là đôi giày của anh ấy!</i> Chủ đề: Quần áo 3–4 giờ <i>Bài kiểm tra cuối bài, làm ở nhà</i>	Quần áo	- So sánh: gut, besser, am besten - Câu so sánh với als: Das Hemd gefällt ihr besser als die Hose.	- nói về quần áo và nhận xét về chúng - so sánh hai thứ với nhau - nhấn mạnh điều mình nói - đọc hiểu các bài viết trên diễn đàn

Bài học	Từ vựng	Ngữ pháp	Sau bài học, học viên có thể...
Bài 23: Ins Wasser gefallen? <i>Kế hoạch đổ bể vì mưa?</i> Chủ đề: Thời tiết 3–4 giờ <i>Bài kiểm tra cuối bài, làm ở nhà</i>	- Thời tiết - Các hướng	- Cấu tạo từ với hậu tố -los - Liên từ denn	- Đưa ra lý do cho một việc gì đó - nói về thời tiết - Đọc hiểu một bài blog - viết bưu thiếp
Bài 24: Ich würde am liebsten jeden Tag feiern. <i>Tôi muốn nhất là ngày nào cũng được ăn mừng.</i> Chủ đề: Lễ hội và tiệc mừng 3–4 giờ <i>Bài kiểm tra cuối bài, làm ở nhà</i>	Lễ hội và tiệc mừng	- Thức giả định II (Konjunktiv II) với würde: Das würde ich am liebsten jeden Tag machen. - Số thứ tự và ngày tháng: Am vierten Mai.	- nói điều mình muốn làm nhất - chúc mừng và gửi lời chúc tới người khác - Đọc hiểu thiệp mời
Ôn tập cuối phần 1–3 giờ	Phần ôn tập: hệ thống lại ngữ pháp và từ vựng của Bài 22–24.		

Sau khi hoàn thành A1.2, học viên có thể

- Hỏi đường, chỉ đường và nói một địa điểm nằm ở đâu
- Miêu tả một ngôi nhà và nhận xét về nó
- Nói về khu phố nơi mình sống và những tiện ích xung quanh
- Đề nghị giúp đỡ, nhờ giúp đỡ, hẹn và dời lịch hẹn
- Nói về kế hoạch và mong muốn của mình
- Nói mình bị đau ở đâu, đưa ra lời khuyên và nói về bệnh tật
- Miêu tả ngoại hình và tính cách của người khác
- Nhờ hoặc yêu cầu ai đó làm việc gì bằng thể mệnh lệnh
- Nói điều gì được phép và không được phép, nêu ý kiến về các quy định
- Nói về quần áo và so sánh hai thứ với nhau
- Nói về thời tiết và đưa ra lý do
- Nói điều mình muốn làm nhất và chúc mừng người khác

Về kỳ thi chứng chỉ và việc lên trình độ A2

- Sau khi hoàn thành A1.2, học viên đã học hết toàn bộ trình độ A1. Kỳ thi tương ứng là Goethe-Zertifikat A1: Start Deutsch 1, dành cho người lớn.
- Khóa học tiếp theo là A2.1, sử dụng giáo trình Menschen A2.1.
- Khóa luyện thi là khóa học riêng, không bao gồm trong số giờ nêu trên.